

H, ngày 27 tháng 12 năm 2021

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị L, sinh năm 1987;

Nơi ĐKHHTT: Khu 14, xã V (trước đây là khu 6, xã V), huyện H, tỉnh P;

Nơi ở hiện nay: Khu L, xã M, huyện T, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Nơi ĐKHHTT: Khu 14, xã V (trước đây là khu 6, xã V), huyện H, tỉnh P.

Các đương sự đều có mặt.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lưu Thị L và anh Nguyễn Văn H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Khi ly hôn giao con chung là cháu **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 04/12/2006 cho chị **Lưu Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được và giao cháu **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 23/9/2012 cho anh **Nguyễn Văn H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung; công nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: chị **Lưu Thị L** và anh **Nguyễn Văn H** thống nhất không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị **Lưu Thị L** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị L** đó nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004779 ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P. **Hoàn lại cho chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND **xã V (xã V cũ)**;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Trịnh Đình Yên

